

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 11 - 2019

V/v: *Không công nhận là vợ chồng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Ông Lê Minh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 160/2019/TLST - HNGĐ ngày 30/10/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Khương Văn L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn KN, xã ĐC, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa.

Anh L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1992;

Nơi ĐKKHKT: Thôn KN, xã ĐC, huyện YĐ, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn CC, xã TQ, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa;

Chị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Khương Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Khương Văn L và chị Trần Thị T sống chung với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào khoảng tháng 4 năm 2015; Do chị T bận công việc nên có mình anh L đến Ủy ban nhân dân xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, làm thủ tục đăng ký kết hôn mới ghi vào sổ còn hai bên chưa ký. Sau khi cưới anh L và chị T sống chung với nhau được khoảng 06 tháng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh L đi làm ăn xa, nên giữa gia đình anh L và chị T có xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 10 năm 2016 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở

thôn Châu Chương, xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, anh L đã khuyên bảo hòa giải nhiều lần nhưng không được, thời gian đã lâu. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được với nhau được, anh Khương đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị Trần Thị T;

Về con cái: Anh Khương Văn L khai hai bên có 01 con chung là Khương Trần Hoài A, sinh ngày 11/10/2015, hiện nay cháu A đang ở với chị T, ly hôn anh L đề nghị giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi;

Về tài sản và công nợ: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị T khai:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Khương Văn L sống chung với nhau như vợ chồng, hai bên chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn; hai bên chung sống được khoảng 06 tháng thì anh L đi làm ăn xa, chị T và gia đình bên anh L xảy ra mâu thuẫn, chị T đã bỏ về bên ngoại ở Thôn Châu Chương, xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa sinh sống được 03 năm nay, **xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh L xin ly hôn, chị T đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh L;**

Về con chung chị T khai, chị T và anh L có 01 con chung là Khương Trần Hoài A, sinh ngày 11/10/2015, hiện nay cháu An đang ở với chị T, ly hôn chị T đề nghị được nuôi cháu A, đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con của anh L mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi;

Về tài sản: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Khương Văn L và chị Trần Thị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do công việc bận anh L và chị T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L và chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Khương Văn L và chị Trần Thị T hai bên chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 2015, nhưng không đăng ký kết hôn, việc này được các cấp chính quyền địa phương nơi cư trú của anh L và nơi chị T cư trú trước đây và đang sinh sống xác nhận. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa anh L và chị T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng; Nay anh L có đơn đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị T, cần áp dụng các quy định này và quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận anh L và chị T là vợ chồng.

[3] Về con chung: anh L và chị T đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Khương Trần Hoài A, sinh ngày 11/10/2015 anh L đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu A, có ghi họ tên mẹ là chị Trần Thị T, bố là anh Khương Văn L; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu A là con chung của anh L và chị T. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T là phù hợp, anh L cũng có mong muốn giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng), chị T đồng ý việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của anh L đề ra, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng của các bên là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con đối với người có nghĩa vụ phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Khương Văn L và chị Trần Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Khương Trần Hoài A, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Buộc anh Khương Văn L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh L phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Khương Văn L phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai T tiền số

AA/2017/0005593 ngày 30/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, anh L còn phải nộp tiếp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*)tiền án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh L, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

